TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2019
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Năm
2. Ông Bùi Xuân Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2019 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Số 21/14 đường Lê Hồng Phong, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Chị **Lê Tú O**, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018 nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Lê Tú O thành hôn vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, anh L, chị O phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị O gây nợ nần dẫn đến cự cải, vợ chồng sống ly thân năm 2016 đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh Lê Văn L và chị Lê Tú O có 01 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 20/5/2003 anh L đang nuôi dạy. Anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị Lê Tú O nhưng chị O vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản

nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Tú O có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn anh Lê Văn L khởi kiện xin ly hôn với chị O, nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với chị Lê Tú O nhưng chị O vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Anh Lê Văn L và Chị Lê Tú O chung sống với nhau như vợ chồng năm 2002, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Được thể hiện tại Đơn xin xác nhận ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi và Giấy xác nhận ngày 20 tháng 06 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời thì thể hiện hôn nhân giữa anh L với chị O không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi và Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (xã Trần Hợi tách ra thành xã Trần Hợi và xã Khánh Lộc). Như vậy hôn nhân giữa anh L và chị O chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa anh Lê Văn L và chị Lê Thị Oanh là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Anh Lê Văn L và chị Lê Tú O có 01 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 20/5/2003 anh L đang nuôi dạy. Anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của anh L là được trực tiếp nuôi dạy con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ nuôi dạy phải xem xét đến nguyện vọng của con chung. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự 20/6/2019 nguyện vọng của Lê Minh H sống với anh Lê Văn L. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Lê Minh H, sinh ngày 20/5/2003 cho anh L trực tiếp nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn L không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Lê Văn L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Lê Văn L và chị Lê Tú O là vợ chồng.

Về con chung: Giao Lê Minh H, sinh ngày 20/5/2003 cho anh L trực tiếp nuôi dạy, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị O có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở chị O thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình anh Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng. Anh L có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002615 ngày 14/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân